

Số: 21/2024/CBTT-TNT

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

- Mã chứng khoán: TNT
- Địa chỉ: Tầng 1A, tòa nhà Star City, số 23 phố Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-4) 6251 0894
- Fax: (84-4) 6251 0895
- E-mail: tainguyen.tntgroup@gmail.com
- Website: <https://tnt-group.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần tập đoàn TNT công bố Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2024, Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét:

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2024 tại đường dẫn: <https://tnt-group.vn/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét;
- BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét;

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

Người được UQ CBTT

Phó TGD thường trực



YŨ TUẤN HOÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 33

I
G
t
I
II

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|--------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Gia Long | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông Nguyễn Bá Huấn | Phó Chủ tịch |
| 3. Ông Vũ Tuấn Hoàng | Thành viên |
| 4. Ông Nguyễn Gia Minh | Thành viên |
| 5. Ông Nguyễn Thanh Sang | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|------------------------|--|
| 1. Ông Lưu Quang Minh | Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Bá Huấn | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Vũ Tuấn Hoàng | Phó Tổng Giám đốc thường trực |
| 4. Ông Nguyễn Sĩ Hoàn | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07 tháng 05 năm 2024) |
| 5. Ông Đinh Quốc Hoàng | Phó Tổng Giám đốc |

Ban Kiểm soát

- | | |
|------------------------|------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Giáp | Trưởng ban |
| 2. Bà Trần Thị Trâm | Thành viên |
| 3. Bà Hà Huyền Trang | Thành viên |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Quang Minh - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Quang Minh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Số: 082802/2024/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2024, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày 21 tháng 07 năm 2023.

Ngoài ra, Công ty kiểm toán này cũng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 11 tháng 03 năm 2024.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0748-2023-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		450.157.101.382	581.103.110.295
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.767.039.858	259.796.610.775
1. Tiền	111		18.767.039.858	59.796.610.775
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	200.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.4a	5.342.580.000	30.700.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.954.367.250	37.894.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(611.787.250)	(7.294.500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	100.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		389.645.689.637	288.428.058.090
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	140.567.095.077	82.644.042.743
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	69.828.889.063	99.660.664.167
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	23.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	193.562.018.594	153.135.664.277
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(37.312.313.097)	(47.012.313.097)
IV. Hàng tồn kho	140		29.170.466.987	28.555.320.204
1. Hàng tồn kho	141	V.8	29.170.466.987	28.555.320.204
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.231.324.900	4.292.421.226
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	59.783.994	110.648.285
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.039.849.880	4.052.442.289
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13a	131.691.026	129.330.652
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.165.812.454.059	1.023.541.462.053
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.137.479.000.000	996.713.116.438
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.137.479.000.000	996.713.116.438
II. Tài sản cố định	220		1.544.325.393	27.385.352
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.544.325.393	27.385.352
- Nguyên giá	222		5.178.496.363	3.579.073.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.634.170.970)	(3.551.688.284)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		47.365.000	47.365.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47.365.000)	(47.365.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4b	26.715.199.063	26.715.199.063
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.284.800.937)	(3.284.800.937)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		73.929.603	85.761.200
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	73.929.603	85.761.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.615.969.555.441	1.604.644.572.348


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		933.689.214.130	926.196.527.891
I. Nợ ngắn hạn	310		300.334.214.130	84.522.774.617
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	14.356.792.782	50.027.875.042
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.283.145.730
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	V.13b	4.133.519.450	4.102.371.072
4. Phải trả người lao động	314		257.904.000	1.318.817.273
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14a	80.848.763.788	11.204.166.601
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	10.881.301.532	8.697.158.952
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	189.855.932.578	7.459.558.947
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	429.681.000
II. Nợ dài hạn	330		633.355.000.000	841.673.753.274
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14b	-	27.271.089.917
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	-	1.927.663.357
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	633.355.000.000	812.475.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		682.280.341.311	678.448.044.457
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	682.280.341.311	678.448.044.457
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		510.000.000.000	510.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		510.000.000.000	510.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.931.000.000	1.931.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.659.849.675	62.961.852.246
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		60.839.168.588	47.658.502.430
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.820.681.087	15.303.349.816
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		105.689.491.636	103.555.192.211
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.615.969.555.441	1.604.644.572.348


Lê Thị Mơ
Người lập biểu


Vũ Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	510.277.139.751	156.846.831.730
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		510.277.139.751	156.846.831.730
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	505.339.225.190	154.459.563.064
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.937.914.561	2.387.268.666
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	48.085.557.686	2.642.675.053
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	51.288.694.345	(2.257.807.380)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.854.037.953	1.160.605.505
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.572.512.456	375.428.176
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(6.673.488.822)	(3.418.402.077)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.835.754.268	10.330.725.000
12. Thu nhập khác	31		5	-
13. Chi phí khác	32	VI.7	38.035.954	5.595.914
14. Lợi nhuận khác	40		(38.035.949)	(5.595.914)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.797.718.319	10.325.129.086
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.965.421.465	2.076.430.111
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.832.296.854	8.248.698.975
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		3.820.681.087	8.248.698.975
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.615.767	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	75	162
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	75	162



Lê Thị Mơ
Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc


Ngày 28 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.797.718.319	10.325.129.086
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	82.482.686	144.527.702
Các khoản dự phòng	03	(9.095.507.250)	(9.807.134.664)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(46.631.458.286)	(1.924.108.483)
Chi phí lãi vay	06	45.854.037.953	1.160.605.505
3. Lợi nhuận/ (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.992.726.578)	(100.980.854)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(165.384.539.480)	(195.512.984.197)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(615.146.783)	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(44.014.420.051)	126.308.607.176
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	62.695.888	135.195.669
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(5.916.472.750)	43.432.130.118
Tiền lãi vay đã trả	14	(700.133.284)	(1.160.605.505)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.878.361.440)	(1.290.424.558)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(222.439.104.478)	(28.189.062.151)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.599.422.727)	-
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(21.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	100.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	732.482.657	1.924.108.483
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.866.840.070)	1.924.108.483
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	67.978.849.316	50.755.439.599
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(64.702.475.685)	(75.763.142.662)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.276.373.631	(25.007.703.063)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(241.029.570.917)	(51.272.656.731)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	259.796.610.775	358.315.612.229
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	18.767.039.858	307.042.955.498


Lê Thị Mơ
Người lập biểu


Vũ Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng


Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Tài nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2007 và thay đổi lần thứ 25 ngày 05 tháng 07 năm 2022. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 05 tháng 07 năm 2022 vốn điều lệ của Công ty là 510.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh với thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

Công ty con:	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Quản lý quỹ và Đầu tư tài chính TNT	Hà Nội	100%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Cát Cam Việt Nam	Hồ Chí Minh	52%	Kinh doanh bất động sản, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tây Bắc	Hà Nội	76,09%	Kinh doanh bất động sản

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 17 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 15 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các Công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 03 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí công trình xây dựng, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	3.036.169.355	3.402.341.527
Tiền gửi ngân hàng	15.730.870.503	56.394.269.248
Các khoản tương đương tiền	-	200.000.000.000
Cộng	18.767.039.858	259.796.610.775

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP ĐTXD và CN Môi trường Tỉnh Điện Biên	23.918.850.000	25.118.850.000
Công ty CP Tập đoàn Tài Nguyên	60.782.446.712	-
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	6.593.463.097
Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Phú An Phát	1.036.727.040	1.460.221.680
Công ty CP Trường Thịnh Mê Kông	-	15.211.006.643
Công ty Cổ phần Mywill	45.322.746.588	32.883.786.397
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	2.912.861.640	1.376.714.926
Cộng	140.567.095.077	82.644.042.743

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cát Cam An Giang	37.793.470.717	39.525.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài nguyên	26.186.327.706	39.600.000.000
Công ty Sokthera (Cambodia) CO.,LTD	-	19.055.864.167
CTCP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam	1.874.320.000	-
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	3.974.770.640	1.479.800.000
Cộng	69.828.889.063	99.660.664.167

Trả trước cho người bán là bên liên quan
(Xem chi tiết tại thuyết minh số VII.1)

1.874.320.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	5.954.367.250	5.342.580.000	(611.787.250)	37.994.500	30.700.000	(7.294.500)
Chứng khoán kinh doanh	5.954.367.250	5.342.580.000	(611.787.250)	37.894.500	30.600.000	(7.294.500)
CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (i)	37.894.500	29.400.000	(8.494.500)	37.894.500	30.600.000	(7.294.500)
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (ii)	1.090.264.280	996.480.000	(93.784.280)	-	-	-
CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (ii)	3.911.859.000	3.528.000.000	(383.859.000)	-	-	-
CTCP Tập đoàn C.E.O (ii)	914.349.470	788.700.000	(125.649.470)	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	100.000	100.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Quân đội Việt	-	-	-	100.000	100.000	-
b. Dài hạn	30.000.000.000	-	(3.284.800.937)	30.000.000.000	-	(3.284.800.937)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000.000	-	(3.284.800.937)	30.000.000.000	-	(3.284.800.937)
Công ty CP Quản lý vốn và Khai thác tài sản Thời cơ Việt Nam (iii)	30.000.000.000	-	(3.284.800.937)	30.000.000.000	-	(3.284.800.937)

- (i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) được xác định là giá tham chiếu bình quân của những ngày có giao dịch khớp lệnh trong tháng 6 năm 2024.
- (ii) Giá trị hợp lý của cổ phiếu đã giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.
- (iii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Gia Khoa (i)	21.000.000.000	-
Bà Trần Thị Mai (ii)	2.000.000.000	-
Cộng	23.000.000.000	-
Phải thu về cho vay với các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	21.000.000.000	-

- (i) Hợp đồng cho vay tiền số 0104/2024/CCVN-NGK ngày 01/04/2024 với ông Nguyễn Gia Khoa, số tiền cho vay là 21 tỷ đồng, thời gian vay 100 ngày từ 01/04/2024 đến 10/07/2024, lãi suất 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Hợp đồng vay tiền số 0103/2024/TCTNT-TTM ngày 01/03/2023 và phụ lục 01 kèm theo ngày 20/05/2024 số tiền tạm ứng cho bà Trần Thị Mai là 02 tỷ đồng, mục đích là thực hiện khảo sát dự án nhập khẩu cát từ Campuchia. Nếu đến 20/06/2024 chưa hoàn ứng Công ty sẽ tính lãi vay từ 20/05/2024 đến 25/07/2024, lãi suất 7%/năm.

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	40.944.000.000	39.944.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.511.586.644	3.514.820.934
Lãi dự thu	657.808.218	-
Phải thu ngắn hạn khác	145.448.623.732	109.676.843.343
- CTCP Đầu tư XD và CN Môi trường tỉnh Điện Biên (i)	15.500.000.000	24.000.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Thành Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
- Tổng công ty CP MBLand (ii)	40.000.000.000	50.000.000.000
- CTCP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Quang (iii)	17.203.726.027	-
- Công ty CP Đầu tư - Phát triển Đức Trí (iv)	69.742.777.795	32.469.720.055
- Phải thu các đối tượng khác	2.119.910	207.123.288
Cộng	193.562.018.594	153.135.664.277
b. Dài hạn		
Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ dài hạn	4.000.000	2.500.000
Phải thu dài hạn khác	1.137.475.000.000	996.710.616.438
- CTCP Khu Đô Thị Nam Trường Chinh (v)	150.000.000.000	-
- CTCP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Quang (iii)	188.000.000.000	808.710.616.438
- Công ty CP Đầu tư - Phát triển Đức Trí (iv)	799.475.000.000	188.000.000.000
Cộng	1.137.479.000.000	996.713.116.438
c. Phải thu khác là các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	150.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(i) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016-HĐHTĐT ngày 05 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên và Công ty Cổ phần Tài nguyên (nay là Công ty CP tập đoàn TNT) về việc hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên do Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên làm chủ đầu tư, trong hợp đồng Công ty Cổ phần Tài Nguyên góp 24 tỷ đồng tương ứng với 65% vốn đầu tư của dự án, hình thức hai bên sẽ thực hiện phân chia lợi nhuận từ việc hợp tác. Ngày 10 tháng 04 năm 2023, Công ty thực hiện thanh lý hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên chưa hoàn tất được thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án.

(ii) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0912/2019-HĐHT/MBL-TN ngày 09 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBLAND và Công ty Cổ phần Tài Nguyên (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT) về việc hợp tác kinh doanh dự án tổ hợp khách sạn – resort cao cấp tại lô D11 khu 1 thuộc khu du lịch Bắc Bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa do Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBLAND làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư dự kiến là 660 tỷ đồng, trong đó phần vốn hợp tác kinh doanh do Công ty Cổ phần Tài Nguyên góp là 50 tỷ đồng, hình thức hai bên sẽ thực hiện phân chia lợi nhuận từ việc hợp tác. Ngày 20 tháng 12 năm 2023, Công ty thực hiện thanh lý hợp đồng với Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBLAND do Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBLAND chưa hoàn tất được thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án.

(iii) Khoản tiền góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1807/2023/HTKD/NQ-TB ngày 16 tháng 06 năm 2023, số tiền 941 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 44 tháng kể từ ngày chuyển tiền lần đầu tiên. Lợi tức từ hoạt động hợp tác được hai bên xác định lại phù hợp từng thời điểm và được thể hiện bằng văn bản có chữ ký xác nhận của hai bên định kỳ vào mỗi quý hoặc vào thời điểm khác do hai bên tự thỏa thuận, thanh toán định kỳ 03 tháng/lần, kỳ thanh toán tiền lợi tức đầu tiên là ngày 31 tháng 01 năm 2025. Dự án đóng góp nguồn trả nợ chính là dự án KĐT thị trấn Cái Nước tại thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Theo phụ lục 03 ngày 12 tháng 11 năm 2023, toàn bộ khoản tiền góp vốn hợp tác kinh doanh sẽ được coi là khoản tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Tây Bắc cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang vay trong thời gian dự án chưa bán được hàng và chưa có doanh thu. Sau 18 tháng kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng, dự án sẽ được đánh giá lại tiến độ xây dựng. Khi có nguồn thu từ dự án, khoản vay sẽ được ghi nhận lại là khoản tiền hợp tác kinh doanh

(iv) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HĐHTĐT/NTC - TNT ngày 25 tháng 03 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần khu đô thị Nam Trường Chinh và Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT về việc hợp tác thực hiện dự án: Khu đô thị mới Nam Trường Chinh tại phường Nghĩa Lộ và xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa, thành phố Quảng Ngãi với tổng diện tích nghiên cứu dự án khoảng 43,8 ha. Tổng vốn đầu tư dự án là 1.815.666.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT góp 150.000.000.000 đồng. Tiến độ thực hiện dự án 06 năm kể từ ngày nhà đầu tư được lựa chọn theo quy định (Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số 289/QĐ-UBND ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Quảng Ngãi. Phân chia lợi nhuận và chịu lỗ theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên. Tùy vào tình hình hoạt động kinh doanh của Dự án, các bên thống nhất sẽ trích lại một khoản lợi nhuận để thanh toán chi phí quản lý, kinh doanh dự án và lập quỹ tái đầu tư.

(v) Khoản tiền góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Đầu tư - Phát triển Đức Trí theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1406/2023/HTKD/TB-ĐT ngày 14 tháng 06 năm 2023, số tiền 820 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 37 tháng kể từ ngày chuyển tiền lần đầu tiên. Lợi tức từ hoạt động hợp tác được hai bên xác định lại phù hợp từng thời điểm và được thể hiện bằng văn bản có chữ ký xác nhận của hai bên định kỳ vào mỗi quý hoặc vào thời điểm khác do hai bên tự thỏa thuận, thanh toán định kỳ 03 tháng/lần.

Theo phụ lục 03 ngày 06 tháng 11 năm 2023, toàn bộ khoản tiền góp vốn hợp tác kinh doanh sẽ được coi là khoản tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Tây Bắc cho Công ty CP Đầu tư - Phát triển Đức Trí vay trong thời gian dự án chưa bán được hàng và chưa có doanh thu. Sau 18 tháng kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng, dự án sẽ được đánh giá lại tiến độ xây dựng. Khi có nguồn thu từ dự án, khoản vay sẽ được ghi nhận lại là khoản tiền hợp tác kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	33.512.313.097	-	(33.512.313.097)	34.712.313.097	-	(34.712.313.097)
Công ty CP Đầu tư xây dựng và CN Môi trường tỉnh Điện Biên	23.918.850.000	-	(23.918.850.000)	25.118.850.000	-	(25.118.850.000)
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	-	(6.593.463.097)	6.593.463.097	-	(6.593.463.097)
Công ty CP Tập đoàn Thành Nam	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)
Phải thu khác	15.800.000.000	12.000.000.000	(3.800.000.000)	24.300.000.000	12.000.000.000	(12.300.000.000)
Công ty CP Đầu tư xây dựng và CN Môi trường tỉnh Điện Biên	15.500.000.000	12.000.000.000	(3.500.000.000)	24.000.000.000	12.000.000.000	(12.000.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS và Kiểm định xây dựng Việt Nam	175.000.000	-	(175.000.000)	175.000.000	-	(175.000.000)
Liên đoàn Bản đồ địa chất miền Bắc	100.000.000	-	(100.000.000)	100.000.000	-	(100.000.000)
Công ty CP Chứng khoán SME	25.000.000	-	(25.000.000)	25.000.000	-	(25.000.000)
Cộng	49.312.313.097	12.000.000.000	(37.312.313.097)	59.012.313.097	12.000.000.000	(47.012.313.097)

Giá trị dự phòng của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ trừ đi giá trị có thể thu hồi.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	609.414.854	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	27.454.601.733	-	27.454.601.733	-
Hàng hoá	1.106.450.400	-	1.100.718.471	-
Cộng	29.170.466.987	-	28.555.320.204	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
 Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)**

(*) Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 14/2017/HĐXD/HĐ-TN ngày 10/03/2017: Công ty CP Tập đoàn TNT là nhà thầu thi công hạ tầng kỹ thuật (giao thông, tường kè, tường rào, thoát nước mưa, thoát nước thải) của Dự án Khu nhà ở Tân Thanh tại phường Tân Thanh và phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Dự án đang trong quá trình nghiệm thu và quyết toán:

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	111.504.545	-	3.429.650.909	37.918.182	3.579.073.636
Mua trong kỳ	-	1.599.422.727	-	-	1.599.422.727
Phân loại lại	(111.504.545)	-	111.504.545	-	-
Số dư cuối kỳ	-	1.599.422.727	3.541.155.454	37.918.182	5.178.496.363
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	111.504.545	-	3.429.650.909	10.532.830	3.551.688.284
Khấu hao trong kỳ	-	76.162.988	-	6.319.698	82.482.686
Phân loại lại	(111.504.545)	-	111.504.545	-	-
Số dư cuối kỳ	-	76.162.988	3.541.155.454	16.852.528	3.634.170.970
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	27.385.352	27.385.352
Tại ngày cuối kỳ	-	1.523.259.739	-	21.065.654	1.544.325.393

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 3.541.155.454 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.541.155.454 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 1.523.259.739 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	47.365.000	47.365.000
Mua trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	47.365.000	47.365.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	47.365.000	47.365.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	47.365.000	47.365.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 47.365.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 47.365.000 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	12.041.553	23.990.800
Chi phí bảo hiểm	20.199.856	14.207.769
Các khoản chi phí khác	27.542.585	72.449.716
Cộng	59.783.994	110.648.285
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	36.575.774	85.761.200
Các khoản chi phí khác	37.353.829	-
Cộng	73.929.603	85.761.200

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cát Cam An Giang	9.722.810.467	9.722.810.467	-	-
Công ty TNHH TM SX Lan Anh Hoa Cường	1.587.000.000	1.587.000.000	1.587.000.000	1.587.000.000
Công ty TNHH XD Việt Đức	449.402.160	449.402.160	449.402.160	449.402.160
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Đông Dương	-	-	44.894.690.794	44.894.690.794
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sang	-	-	946.884.038	946.884.038
Công ty Cổ phần Mywill	1.448.530.202	1.448.530.202	706.734.180	706.734.180
Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.149.049.953	1.149.049.953	1.443.163.870	1.443.163.870
Cộng	14.356.792.782	14.356.792.782	50.027.875.042	50.027.875.042

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	130.957.830	20.299.431.194	20.354.976.115	75.412.909
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	53.184.547	-	53.184.547
Các loại thuế khác	733.196	-	-	733.196
Cộng	131.691.026	20.352.615.741	20.354.976.115	129.330.652
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	58.927.371	30.373.263.013	30.324.270.825	9.935.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.036.328.119	1.912.236.918	1.878.361.440	4.002.452.641
Thuế thu nhập cá nhân	38.263.960	160.754.839	212.474.127	89.983.248
Các loại thuế khác	-	199.093.348	199.093.348	-
Cộng	4.133.519.450	32.645.348.118	32.614.199.740	4.102.371.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn	80.848.763.788	11.204.166.601
Chi phí lãi vay	78.857.649.799	6.427.397.260
Chi phí hỗ trợ cước vận chuyển	-	2.471.849.380
Công ty CP Xây dựng Henyco Việt Nam	1.991.113.989	1.991.113.989
Chi phí phải trả khác	-	313.805.972
b. Dài hạn	-	27.271.089.917
Chi phí lãi vay	-	27.271.089.917
Cộng	80.848.763.788	38.475.256.518

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn	10.881.301.532	8.697.158.952
Kinh phí công đoàn	67.791.787	59.647.787
Bảo hiểm xã hội	-	532.777
Bảo hiểm y tế	-	1.530.000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	850.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.500.000.000	1.250.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.313.509.745	7.384.598.388
b. Dài hạn	-	1.927.663.357
Các khoản nhận thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	1.927.663.357
Cộng	10.881.301.532	10.624.822.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9.615.932.578	9.615.932.578	66.778.849.316	64.506.745.685	7.343.828.947	7.343.828.947
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô - PGD Hoàng Đạo Thúy (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội (ii)	3.000	3.000	-	-	3.000	3.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Kinh	-	-	908.924.053	3.252.750.000	2.343.825.947	2.343.825.947
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội (iii)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (iv)	2.615.929.578	2.615.929.578	58.869.925.263	56.253.995.685	-	-
Cộng: Nợ dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh V16.b)	180.240.000.000	180.240.000.000	-	-	115.730.000	115.730.000
Cộng các khoản vay ngắn hạn	189.855.932.578	189.855.932.578			7.459.558.947	7.459.558.947
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	813.595.000.000	813.595.000.000	1.200.000.000	195.730.000	812.590.730.000	812.590.730.000
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình	-	-	-	115.730.000	115.730.000	115.730.000
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (v)	812.475.000.000	812.475.000.000	-	-	812.475.000.000	812.475.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (vi)	1.120.000.000	1.120.000.000	1.200.000.000	80.000.000	-	-
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	180.240.000.000	180.240.000.000	-	-	115.730.000	115.730.000
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình	-	-	-	-	115.730.000	115.730.000
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	180.000.000.000	180.000.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	240.000.000	240.000.000	-	-	-	-
Cộng vay và nợ thuê tài chính	633.355.000.000	633.355.000.000			812.475.000.000	812.475.000.000

- (i) Hợp đồng hạn mức thấu chi số DDA20231266122/HDHMTc ngày 11 tháng 09 năm 2023 tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đông Đô. Hạn mức thấu chi là 5.000.000.000 đồng. Mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn sử dụng thấu chi là 12 tháng từ ngày 11 tháng 09 năm 2023 đến hết ngày 11 tháng 09 năm 2024. Lãi suất áp dụng đến ngày 30 tháng 09 năm 2023 là 15,37% sau đó được điều chỉnh 01 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ bản của Techcombank thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,89%/năm. Biện pháp bảo đảm là không áp dụng biện pháp bảo đảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- (ii) Hợp đồng mở tài khoản chứng khoán và đăng ký dịch vụ ký quỹ số 003C5566796 ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại Công ty CP Chứng khoán SSI - CN Hà Nội - PGD Lê Văn Lương. Thời hạn vay là 90 ngày, tài sản thế chấp chính là các mã chứng khoán mà Công ty CP Tập đoàn TNT ký quỹ tại Công ty CP Chứng khoán SSI. Lãi suất áp dụng theo từng mã chứng khoán và từng thời điểm cụ thể.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 26130/23MB/HĐTĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 26130/23MB/HĐTĐ/PL01 ngày 14 tháng 03 năm 2024. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Hạn mức cho vay không vượt quá 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức đến ngày 03 tháng 01 năm 2027. Thời hạn trả nợ của mỗi lần giải ngân và lãi suất tương ứng được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ. Các hình thức đảm bảo tiền vay là tiền ký quỹ/STK/HĐTĐ mở tại HDBank và/hoặc tại các TCTD được HDBank chấp nhận; Bất động sản phù hợp quy định của HDBank; Và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bên vay/Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên thứ ba. Các nội dung mô tả chi tiết về tài sản, quyền và nghĩa vụ của các Bên thực hiện theo các hợp đồng bảo đảm (Cầm cố, thế chấp bảo lãnh, ký quỹ,...), các Phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có), và các văn bản có liên quan được ký giữa các bên có liên quan.
- (iv) Theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở số Q1N_2782_0 và hợp đồng mở tiểu khoản giao dịch ký quỹ số Q1N-M1441 ngày 06/03/2024, Công ty đăng ký dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán tự động, số tiền ứng trước sẽ được tính phí và tính lãi theo thông báo, quy định của Công ty cổ phần chứng khoán Phú Hưng.
- (v) Gồm hai khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo Hợp đồng vay số 2706/2023/HĐCV ngày 27 tháng 06 năm 2023:
- Khoản vay với tổng số tiền vay là 695 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa 36 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất vay được quy định cụ thể trên Kế ước nhận nợ. Mục đích vay để góp vốn hợp tác kinh doanh vào hoạt động kinh doanh của Công ty CP Đầu tư - Phát triển Đức Trí. Tài sản đảm bảo là khoản phải thu/quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Đầu tư phát triển Tây Bắc và Công ty CP Đầu tư - Phát triển Đức Trí; Khi chưa được cấp GCN QSDĐ cho dự án thì tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu dân cư thương mại và chợ Cộng Hòa, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương, khi đã được cấp GCN QSDĐ thì tài sản đảm bảo là QSDĐ và khoản phải thu phát sinh giữa Công ty CP Đầu tư - Phát triển Đức Trí và người mua tại dự án.
 - Khoản vay với tổng số tiền vay là 800 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa 43 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất vay được quy định cụ thể trên Kế ước nhận nợ. Mục đích vay để góp vốn hợp tác kinh doanh vào hoạt động kinh doanh của Công ty CP Đầu tư - Phát triển hạ tầng Nam Quang. Tài sản đảm bảo là khoản phải thu/quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Đầu tư phát triển Tây Bắc và Công ty CP Đầu tư - Phát triển hạ tầng Nam Quang; Khi chưa được cấp GCN QSDĐ thì tài sản đảm bảo là Hợp đồng thế chấp và các phụ lục kèm theo (nếu có) đối với Quyền tài sản phát sinh từ dự án Đầu tư xây dựng nhà ở KĐT thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, khi đã được cấp GCN QSDĐ thì tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp và các phụ lục kèm theo (nếu có) với Quyền sử dụng đất và khoản phải thu hình thành từ việc chuyển nhượng các lô đất của dự án.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng số 192461.24.058.31520022.TD ngày 01 tháng 03 năm 2024. Mục đích sử dụng vốn vay là cho vay đầu tư 01 xe ô tô HUYNDAI PALISADE PRESTIGE, số loại PALISADE R2.2 PREMIUM 6 chỗ, sản xuất năm 2024 theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 2S034/2402 ngày 23 tháng 02 năm 2024. Số tiền vay là 1.223.530.000 đồng. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng/kế ước, chi tiết thời hạn cho vay tại từng lần giải ngân và nhận nợ. Thời hạn trả nợ của mỗi lần giải ngân và lãi suất tương ứng được quy định cụ thể theo từng lần giải ngân, nhận nợ và thoả thuận chung. Tài sản đảm bảo là 01 xe HUYNDAI PALISADE PRESTIGE 6 chỗ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	510.000.000.000	1.931.000.000	47.658.502.430	-	559.589.502.430
Tăng vốn trong năm	-	-	-	103.555.192.211	103.555.192.211
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	15.303.349.816	-	15.303.349.816
Số dư đầu kỳ này	510.000.000.000	1.931.000.000	62.961.852.246	103.555.192.211	678.448.044.457
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	3.820.681.087	11.615.767	3.832.296.854
Phân loại lại	-	-	(2.122.683.658)	2.122.683.658	-
Số dư cuối kỳ này	510.000.000.000	1.931.000.000	64.659.849.675	105.689.491.636	682.280.341.311

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.000.000	51.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.000.000	51.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>51.000.000</i>	<i>51.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.000.000	51.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>51.000.000</i>	<i>51.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	510.277.139.751	156.846.831.730
<u>Trong đó:</u>		
Doanh thu bán hàng hóa	510.277.139.751	156.846.831.730
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	510.277.139.751	156.846.831.730

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hóa	505.339.225.190	154.459.563.064
Cộng	505.339.225.190	154.459.563.064

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.631.458.286	1.928.292.778
Lãi bán các khoản đầu tư tài chính	1.454.099.400	714.382.275
Cộng	48.085.557.686	2.642.675.053

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	45.854.037.953	1.160.605.505
Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	604.492.750	4.901.167
Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	-	(4.203.014.031)
Lỗ đầu tư chứng khoán	4.626.355.770	779.699.979
Chi phí tài chính khác	203.807.872	-
Cộng	51.288.694.345	(2.257.807.380)

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.047.656.686	362.581.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.660.000	12.846.843
Chi phí khác bằng tiền	1.523.195.770	-
Cộng	2.572.512.456	375.428.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.420.990.938	914.804.997
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	691.263.161	6.794.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.482.686	144.527.702
Thuế, phí và lệ phí	85.856.653	7.000.000
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng	(9.700.000.000)	(5.609.021.800)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	314.261.670	1.093.158.700
Chi phí khác bằng tiền	431.656.070	24.333.552
Cộng	(6.673.488.822)	(3.418.402.077)

7. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền phạt, tiền chậm nộp thuế	38.035.634	5.595.914
Chi phí khác	320	
Cộng	38.035.954	5.595.914

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ	1.433.803.958	2.076.430.111
Chi phí thuế TNDN hiện hành của các Công ty con	531.617.507	-
Cộng	1.965.421.465	2.076.430.111

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.820.681.087	8.248.698.975
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	3.820.681.087	8.248.698.975
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	51.000.000	51.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	75	162
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	75	162

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	506.030.488.351	154.466.357.836
Chi phí nhân công	2.468.647.624	1.277.386.330
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.482.686	144.527.702
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng	(9.700.000.000)	(5.609.021.800)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	401.778.323	1.113.005.543
Chi phí khác bằng tiền	1.954.851.840	24.333.552
Cộng	501.238.248.824	151.416.589.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)
Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: Hoạt động bán hàng hoá, hoạt động cung cấp dịch vụ và hoạt động khác.

Công ty không tách được tài sản và các khoản nợ phải trả theo từng bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2024. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	Cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần	510.277.139.751	-	-	510.277.139.751
Tổng doanh thu	510.277.139.751	-	-	510.277.139.751
Chi phí kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	505.339.225.190	-	-	505.339.225.190
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	4.937.914.561	-	-	4.937.914.561
Các chi phí không phân bổ				(4.100.976.366)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				9.038.890.927
Doanh thu hoạt động tài chính				48.085.557.686
Chi phí tài chính				51.288.694.345
Lợi nhuận/ (lỗ) khác				(38.035.949)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				5.797.718.319
Thuế TNDN hiện hành				1.965.421.465
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.832.296.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động khác VND	Cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần	156.846.831.730	-	-	156.846.831.730
Tổng doanh thu	156.846.831.730	-	-	156.846.831.730
Chi phí kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	154.459.563.064	-	-	154.459.563.064
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	2.387.268.666	-	-	2.387.268.666
Các chi phí không phân bổ				(3.042.973.901)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.430.242.567
Doanh thu hoạt động tài chính				2.642.675.053
Chi phí tài chính				(2.257.807.380)
Lợi nhuận/ (lỗ) khác				(5.595.914)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				10.325.129.086
Thuế TNDN hiện hành				2.076.430.111
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				8.248.698.975

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam

CTCP Khu Đô Thị Nam Trường Chinh

Ông Nguyễn Gia Khoa

Mối quan hệ

Điều hành Công ty

Ông Nguyễn Gia Long là chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Bá Huân là Tổng Giám đốc kiêm đại diện pháp luật của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam

Ông Nguyễn Gia Long là cổ đông lớn của CTCP Khu Đô Thị Nam Trường Chinh

Em trai ông Nguyễn Gia Long - Chủ tịch HĐQT đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tây Bắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam	568.800.000	379.200.000
Cộng	568.800.000	379.200.000
Cho vay		
Ông Nguyễn Gia Khoa	21.000.000.000	-
Cộng	21.000.000.000	-
Chuyển tiền hợp tác đầu tư		
CTCP Khu Đô Thị Nam Trường Chinh	150.000.000.000	-
Cộng	150.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Ông Nguyễn Gia Khoa	21.000.000.000	-
Cộng	21.000.000.000	-
Phải thu khác dài hạn		
CTCP Khu Đô Thị Nam Trường Chinh	150.000.000.000	-
Cộng	150.000.000.000	-
Trả trước cho người bán		
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam	1.874.320.000	-
Cộng	1.874.320.000	-

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	552.800.000	460.000.000
Ông Lưu Quang Minh	210.800.000	180.000.000
Ông Nguyễn Bá Huấn	201.000.000	120.000.000
Ông Vũ Tuấn Hoàng	141.000.000	120.000.000
Ông Đinh Quốc Hoàng	-	40.000.000
Cộng	552.800.000	460.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lê Thị Mơ
Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 08 năm 2024